

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/DS - PT.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn;

Các Thẩm phán: Bà Điều Thị Bích Lược;

Ông Nguyễn Hà Giang;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2022/TLPT - DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2022/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2022/QĐ - PT ngày 27 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Đình T, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khu 02, xã X, huyện L T, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Khu D H, xã P N, huyện L T, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị L, sinh năm 1959

Địa chỉ: Khu D H, xã P N, huyện L T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Khu Dục Hiền, xã Phùng Nguyên, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như các lời khai tại tòa án, nguyên đơn là Ông Bùi Đình T trình bày: Ông là hộ gia đình cá nhân có đăng ký kinh doanh bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm theo giấy đăng ký số 18G8 001981 do UBND huyện Lâm Thao cấp đổi lần thứ nhất ngày 28/10/2016, giấy đăng ký hộ kinh doanh đứng tên ông, tuy nhiên chỉ có một mình cá nhân ông bỏ vốn ra kinh

doanh. Từ năm 2012 đến 2015 Ông D đã mua cá chần nuôi của ông. Đến ngày 21/12/2015 thì 02 bên kết thúc việc mua bán. Cho đến nay Ông D đã trả cho ông được 04 lần. Cụ thể:

- Lần 1: Ngày 27/4/2016 Ông D đã trả 9.000.000đ, Ông D còn nợ số tiền là 77.770.000đ.

- Lần 2: Ngày 12/5/2017 Ông D trả 6.000.000đ, Ông D còn nợ số tiền là 71.770.000đ.

- Lần 3: Ngày 09/02/2018 Ông D trả 9.000.000đ, Ông D còn nợ 62.770.000đ.

- Lần 4: Ngày 11/01/2019 Ông D trả 8.000.000đ, Ông D còn nợ 54.770.000đ. Từ đó đến nay ông đã đòi nhiều lần nhưng Ông D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền cá còn lại. Việc Ông D cho rằng ông có hỏi mua ngan, lợn (mua hộ người nhà làm đám cưới) với tổng số tiền là 6.850.000đ được trừ vào tiền cá đã chốt nợ năm 2019 là không đúng. Vì ông chỉ hỏi hộ cháu ông, còn cháu ông có sang nhà Ông D mua ngan, lợn hay không thì ông không biết. Việc mua bán lợn ngan, lợn không liên quan gì đến ông. Ông D bán lợn, ngan cho ai thì Ông D có quyền khởi kiện người đó. Còn việc Ông D trình bày sau khi chốt nợ năm 2019, lần cuối cùng Ông D có thanh toán cho ông số tiền 10.000.000đ có vợ chồng anh Vinh Nam chứng kiến là không đúng thực tế.

Nay ông khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao giải quyết buộc Ông D phải thanh toán cho ông số tiền cá còn nợ lại là 54.770.000đ (Năm mươi tư triệu, bảy trăm, bảy mươi nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 28/12/2021 phía bị đơn - Ông Nguyễn Văn D trình bày: Do có mối quan hệ quen biết là người mua bán cá với nhau, quãng thời gian cụ thể ông không nhớ, ông chỉ nhớ khoảng 08 năm về trước, hàng năm ông có lấy cá chần nuôi gia súc, gia cầm của Ông Bùi Đình T để chần nuôi. Những lần lấy cá của Ông T ông đều ký xác nhận và ông cũng đã trả nhiều lần nhưng vẫn còn nợ ít tiền của Ông T. Ngày tháng cụ thể năm nào ông không nhớ ông chỉ nhớ lần chốt nợ cuối cùng ông còn nợ Ông T số tiền 54.770.000đ. Ông có ký vào sổ chốt nợ và chữ ký ở sổ chốt nợ của Ông T đúng là chữ ký của ông. Tuy nhiên sau khi chốt nợ vào sổ của Ông T thì ông đã trả cho Ông T 03 lần với tổng số tiền là 30.000.000đ, mỗi lần là 10.000.000đ, cụ thể ngày, tháng, năm nào trả nợ thì ông không nhớ, mỗi lần trả nợ Ông T đều ghi ở bên dưới và ông đều ký chốt nợ. Bên cạnh đó, cách đây khoảng 05 năm về trước vợ chồng anh Vinh Nam sang trả tiền cá cho ông (vì mua cá của ông từ trước đó), ông đã trả cho Ông T số tiền 10.000.000đ, nhưng ông không ký vào sổ có sự chứng kiến của vợ chồng anh Vinh Nam.

Thời gian gần đây Ông T có sang nhà ông và bảo ông bắt cho ít ngan, lợn vì người nhà có đám cưới, sau đó người nhà Ông T có ra bắt ngan, lợn, ai bắt thì ông không nhớ tên nhưng tổng giá trị tiền bắt ngan lợn là 6.850.000đ.

Nay Ông T khởi kiện yêu cầu ông phải thanh toán cho ông tổng số tiền cá còn lại là 54.770.000đ, thì ông không nhất trí, vì ông đã thanh toán cho ông

04 lần với tổng số tiền là 40.000.000 đ (Bốn mươi triệu đồng) và phải đối trừ số tiền 6.850.000đ người nhà Ông T đã bắt lộn, ngan của ông. Ông chỉ nhất trí thanh toán cho Ông T số tiền còn nợ lại sau khi đã trừ đi tổng số tiền đã thanh toán cho Ông T như ông đã trình bày trên.

Tại bản tự khai ngày 27/12/2021 bà Lâm Thị Quyên (vợ Ông Bùi Đình T) trình bày: Bà xác nhận trong giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 18G8 001981 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 28/10/2016 đứng tên Ông Bùi Đình T là một mình Ông T đứng ra kinh doanh. Vốn kinh doanh là của riêng Ông T, không liên quan gì đến bà. Nên đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/02/2022 đối với Bà Trần Thị L (vợ Ông D) trình bày: Bà không biết việc Ông D lấy cảm nhà Ông T, không tham gia lấy cảm cùng Ông D, do vậy bà không liên quan đến hợp đồng mua bán tài sản giữa Ông T và Ông D. Nên bà đề nghị Tòa án không báo gọi bà và không đưa bà vào tham gia tố tụng.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2022/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 430; Điều 431; Điều 434; Điều 440; Điều 357, của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Bùi Đình T. Buộc Nguyễn Văn Dung, Bà Trần Thị L phải trả cho Ông Bùi Đình T số tiền 54.770.000đ (Năm mươi bốn triệu, bảy trăm, bảy mươi nghìn đồng).

Về lãi suất: Không xem xét do nguyên đơn không đề nghị.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và các vấn đề khác.

Kháng cáo: Ngày 25/7/2022, Ông Nguyễn Văn D gửi đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao vì ông đã trả đủ số tiền cho Ông T cách đây 10 năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm Ông D vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo, đại diện viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao theo hướng không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Ngày 07/7/2022, Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao xét xử vụ án nêu trên vắng mặt Ông D. Ngày 15/7/2022, tòa án đã niêm yết bản án nêu trên. Ngày 25/7/2022, Ông Nguyễn Văn D gửi đơn kháng cáo là trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Giữa Ông Bùi Đình T và Ông Nguyễn Văn D có thực hiện giao dịch mua bán cám thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến ngày 21/12/2015, theo đó Ông T là người bán và Ông D là người mua. Quá trình giao dịch đến năm 2019 Ông D và Ông T đã thực hiện chốt tiền mua bán cụ thể Ông D còn nợ Ông Bùi Đình T số tiền 54.770.000đ theo như sổ theo dõi mua bán cám giữa Ông Bùi Đình T và Ông Nguyễn Văn D. Quá trình mua bán, chốt nợ các bên đều thừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Phía Ông D kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao vì ông đã trả đủ số tiền cho Ông T cách đây 10 năm nhưng quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Ông D không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh ông đã thanh toán cho Ông T 40.000.000đ, tại cấp phúc thẩm ông cũng không chứng minh được việc trả nợ này. Ngoài ra, Ông D còn cho rằng cháu Ông T có ra nhà ông mua lợn, ngan nên cần phải trừ đi số tiền đã mua lợn, ngan là 6.850.000đ là không có cơ sở, bởi lẽ cho đến nay Ông D cũng không biết ai, không nhớ tên ai là người ra mua lợn, ngan nhà ông. Mặt khác, Ông T không thừa nhận việc Ông D đã trả số tiền 40.000.000đ cũng như việc ông mua lợn, ngan của Ông D và Ông D không có căn cứ gì chứng minh việc ông đã bán lợn, ngan cho Ông T. Do vậy, kháng cáo nêu trên của Ông D không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với Bà Trần Thị L (là vợ của Ông D). Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm bà cho rằng không biết việc Ông D lấy cám nhà Ông T, không tham gia việc lấy cám cùng Ông D, do vậy bà không liên quan đến hợp đồng mua bán tài sản giữa Ông T và Ông D. Xét thấy: Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng Bà L, Ông D có chăn nuôi và sinh hoạt cùng nhau, việc nuôi lợn...là có thật và việc Ông D mua cám để chăn nuôi là thực hiện nhu cầu thiết yếu của gia đình nên mặc dù Bà L không trực tiếp ký lấy cám chăn nuôi với Ông T, việc mua cám chỉ có một mình Ông D ký nhưng đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 37 luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ông Nguyễn Văn D, Bà Trần Thị L phải có trách nhiệm trả nợ cho Ông Bùi Đình T tổng số tiền còn nợ là 54.770.000đ (Năm mươi bốn triệu, bảy trăm, bảy mươi nghìn đồng) là có căn cứ.

Về lãi suất: Do Ông T tự nguyện không yêu cầu tính lãi nên Tòa án không xem xét là phù hợp.

[3]. Về án phí:

- Tại cấp sơ thẩm, Tòa án sơ thẩm đã buộc Ông D, Bà L phải chịu án phí với số tiền 2.738.500 đồng, Ông D, Bà L là người cao tuổi nhưng không có đề nghị xin miễn án phí nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ông D, Bà L phải chịu án phí là đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của Ông Bùi Đình T được chấp nhận nên trả lại cho Ông Bùi Đình T số tiền là 1.369.000đ (Một triệu ba trăm, sáu mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

- Ông D là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho Ông D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Văn D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào các Điều 430; Điều 431; Điều 434; Điều 440; Điều 357, của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 148; Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình; Điều 12, điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Bùi Đình T. Buộc Ông Nguyễn Văn D, Bà Trần Thị L phải trả cho Ông Bùi Đình T số tiền 54.770.000đ (Năm mươi bốn triệu, bảy trăm, bảy mươi nghìn đồng).

Về lãi suất: Không xem xét do nguyên đơn không đề nghị.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Đình Thanh có đơn yêu cầu thi hành án mà Ông Nguyễn Văn D, Bà Trần Thị L không T toán số tiền trên, thì Ông Nguyễn Văn D, Bà Trần Thị L phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

- Buộc Ông Nguyễn Văn D, Bà Trần Thị L phải chịu 2.738.500đ (Hai triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho Ông Nguyễn Văn D.

- Hoàn trả cho Ông Bùi Đình T số tiền 1.369.000đ (Một triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0002004 ngày 07/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- TAND huyện Lâm Thao;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Tuấn